TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:465/2021/HNGĐ-ST
Ngày 04 tháng 5 năm 2021
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Nguyệt
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Văn Đẹp
2. Ông Dương Văn Quí

***Thư ký ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Phượng Nghĩa - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Ngọc Duyên- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà H T Th H, sinh 1983 (có đơn xin vắng mặt).
Địa chỉ: 36/2F ấp C, xã T, huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Tr V H, sinh 1978 (vắng mặt)
Địa chỉ: 36/2F ấp C, xã T, huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/01/2021, bản tự khai ngày 01/3/2021 và các biên bản hòa giải không được, nguyên đơn bà H T Th H trình bày:

Bà H T Th H và ông Tr V H tự nguyện tìm hiểu, cưới và đăng ký kết hôn ngày 05/7/2004 tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận kết hôn số 19, ngày 05/7/2004. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, từ tháng 01/2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do rượu chè, không tôn trọng, quan tâm thường xuyên gây gổ. Vợ chồng ly thân từ tháng 12/2020.

Bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có nguyện vọng được ly hôn với ông Tr V H.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con tên Tr H Q Ng, sinh ngày 08/3/2001 (đã trưởng thành). Về tài sản chung, nợ chung: Bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Tr V H, trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tống đạt hợp lệ: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc

giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho ông H nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Ngày 22/3/2021, bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến khi hội đồng xét xử nghị án, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn xét thấy Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, các Hội thẩm nhân dân đều tuân theo đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phần nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà H T Th H và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà H T Th H khởi kiện ly hôn với ông Tr V H. Bị đơn ông Tr V H cư trú tại 36/2F ấp C, xã T, huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng:

Ngày 22/3/2021, bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Tr V H, trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tống đạt hợp lệ: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho ông H nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Căn cứ vào các Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự theo quy định.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Bà H T Th H yêu cầu được ly hôn với ông Tr V H. Về con chung: 01 con tên Tr H Q Ng, sinh ngày 08/3/2001 (đã trưởng thành). Về tài sản chung, nợ chung: Bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.1] Về yêu cầu ly hôn: Bà H T Th H yêu cầu được ly hôn với ông Tr V H.

Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Bà H T Th H và ông Tr V H đăng ký kết hôn ngày 05/7/2004 tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận kết hôn số 19, ngày 05/7/2004. Theo Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của bà H và ông H là hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông H là có thật, bởi lẽ:

Trong đơn kiện và trong các bản tự khai của bà H thể hiện, quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, từ tháng 01/2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do rượu chè, không tôn trọng, quan tâm thường xuyên gây gổ. Vợ chồng ly thân từ tháng 12/2020.

Bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có nguyện vọng được ly hôn với ông Tr V H.

Bị đơn ông Tr V H, trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tống đạt hợp lệ: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc

giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho ông H nhưng vắng mặt không rõ lý do. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà H và ông H quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và bà H cương quyết ly hôn nên khả năng đoàn tụ giữa bà H và ông H lại càng không có. Do đó bà H yêu cầu được ly hôn với ông H là có cơ sở theo Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Bà H T Th H và ông Tr V H có 01 con tên Tr H Q Ng, sinh ngày 08/3/2001 (đã trưởng thành). Bà H không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn là có cơ sở pháp lý.

Chính vì những phân tích nên trên nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà H T Th H với ông Tr V H về ly hôn; con chung; tài sản chung; nợ chung.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Về án phí hôn nhân gia đinh 300.000 đồng: Bà H T Th H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 264; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H T Th H với ông Tr V H.

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H T Th H được ly hôn với ông Tr V H.

[1.2] Về con chung: 01 con tên Tr H Q Ng, sinh ngày 08/3/2001 (đã trưởng thành).

[1.3] Về tài sản, nợ chung: Bà H T Th H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Về án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng: Bà H T Th H phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 00774510 ngày 02/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thực hiện tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- UBND xã Đ, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa(giấy chứng nhận kết hôn số 19, ngày 05/7/2004);
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ánh Nguyệt